

PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Sơ Lược Về Phật Giáo Hòa Hảo



*Tổ Đình Phật Giáo Hoà Hảo,
nơi Đức Thầy dẫn sanh trong ngày lễ đạo*

1. VỊ TRÍ ĐỊA DƯ

Đạo Phật Giáo Hòa Hảo được khai sáng tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh Châu Đốc, Việt Nam, và từ đó phát triển bành trướng ở miền Tây Nam Việt, nhất là tại 15 tỉnh sau đây: Châu Đốc, An Giang, Sa Đéc, Kiến Phong, Vĩnh Long, Phong Dinh, Chương Thiện, Kiên Giang, Ba Xuyên, Bạc Liêu, An Xuyên, Định Tường, Long An, Kiến Hòa, Kiến Tường, và thủ đô Sài Gòn-Gia Định.

Đặc biệt đây là những tỉnh đồng bằng thuộc châu thổ sông Cửu Long, giáp nước Cao Miên, được mệnh danh là vựa lúa của Việt Nam. Nhờ đất đai phì nhiêu, vùng này có khả năng vĩ đại về nông nghiệp, và có một vai trò căn bản trong nền kinh tế nông nghiệp hiện nay của nước Việt Nam.

Vùng này, gọi chung là Hậu Giang hay miền Tây Nam Việt, với một diện tích có thể canh tác là 1.885.000 mẫu tây, đã sản xuất hàng năm gần 3.000.000 tấn lúa, chưa kể những sản phẩm hoa màu phụ và ngư nghiệp, chăn nuôi...Đại đa số gạo xuất cảng của Việt Nam sang các nước cần mua mễ cốc đã xuất phát tại vùng này.

Cũng cần nói rõ là lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa gồm có diện tích tổng cộng là 17.326.000 mẫu, trong đó có khoảng 3.000.000 mẫu hiện đang canh tác nông nghiệp. Trên căn bản ấy, vùng Hậu Giang, nơi xuất phát và bành trướng ảnh hưởng của đạo Phật Giáo Hòa Hảo, ước lượng 1.885.000 mẫu tây canh tác nông nghiệp, được kể là 60 % tổng số diện tích khả canh toàn quốc.

2. NGUỒN GỐC

Ngoài sự kiện kinh tế trên đây, vùng này còn có một số dãy núi mà nhiều văn kiện lịch sử, xưa nay đã lưu truyền rằng tại đó chứa đựng nhiều điều huyền bí ly kỳ, như là dãy Bẫy núi Thất Sơn tại biên giới tỉnh Châu Đốc giáp xứ Cao Miên.

Những điều huyền bí đó lưu truyền trong sách vở đến nay chưa ai cắt nghĩa được, ngoài sự kiện cụ thể là chính tại vùng Thất Sơn này đã phát xuất, từ năm 1849 một vị Phật Sống tức Đức Phật Thầy Tây An, người sáng lập tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương, và sau này vào năm 1939, cũng một vị Phật Sống khác là Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, tiếp nối truyền thống Bửu Sơn Kỳ Hương mà khai sáng mỗi đạo Phật Giáo Hòa Hảo, cũng tại một địa điểm gần dãy Thất Sơn. Do đó, tuy là Phật Giáo Hòa Hảo mới ra đời từ 1939 đến nay, nhưng đã có nguồn gốc tông phái Bửu Sơn Kỳ Hương từ 1849, tức là trên một trăm năm nay.

Đức Phật Thầy Tây An đã nổi danh khắp Miền Nam Việt Nam, là một vị Phật Sống và một nhà ái quốc, cũng như sau này Đức Huỳnh Giáo Chủ Phật Giáo Hòa Hảo cũng được người Việt Nam tôn sùng là một vị Phật Sống xuống thế cứu đời, đồng thời cũng là một nhà cách mạng quốc gia chơn chánh.

3. SỐ TÍN ĐỒ PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Tổng số tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo được ước lượng vào khoảng trên 2 triệu người (trước 1975), đại diện cho một tỉ số 38% trên dân số vùng Hậu Giang, hay 10% trên tổng số dân Việt Nam Cộng Hòa. Có những tỉnh như Châu Đốc, An Giang, Kiên Phong, Sa Đéc, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo lên đến 90 % dân số; ở các tỉnh khác, tỷ số này thay đổi từ 10 đến 60 %.

Nếu tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tham gia các cuộc bầu cử ứng cử trong nhiệm vụ đại biểu nhân dân, thì họ sẽ chiếm được đại đa số ghế. Tỷ dụ trong cuộc bầu cử hội đồng hàng tỉnh năm 1965, tại các tỉnh An Giang, Châu Đốc, tất cả các đại biểu nhân dân đều là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo; và tại các tỉnh Kiên Phong, Vĩnh Long, Phong Dinh, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo đã chiếm 80 % số ghế.

Tỷ số này cũng đã được thể hiện trong cuộc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến Việt Nam Cộng Hòa ngày 11-9-1965, và liên danh đặc cử nhiều phiếu nhưt trong toàn quốc là liên danh của tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo tỉnh An Giang.

4. ĐẶC TÍNH PHẬT GIÁO HÒA HẢO

- **ĐẶC TÍNH THỨ NHẤT** nằm trong truyền thống Bửu Sơn Kỳ Hương đến Phật Giáo Hòa Hảo là một nền đạo Phật của nông dân.

Đức Phật Thầy Tây An trước kia vừa truyền bá đạo Phật vừa khuyến khích nông nghiệp dưới hình thức Lập trại ruộng để vừa tu hành vừa cày cấy.

Ngày nay cũng thế, hầu hết tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo là nông dân, và đó cũng là một lý do tại sao Đức Huỳnh Giáo Chủ đã lập đạo tại một vùng đất phì nhiêu nhưt Việt Nam.

Trên phương diện nhân sinh và xã hội, người ta cũng nhận định rằng bản chất thuần phác của người nông dân cho họ có căn bản thuận lợi để tu học theo đạo Phật.

- **ĐẶC TÍNH THỨ HAI**, Phật Giáo Hòa Hảo cũng như Bửu Sơn Kỳ Hương đều chủ trương tu hành tại gia. Bởi vì các vị Giáo Chủ này đã nghĩ rằng đạo Phật không những chỉ truyền bá ở thiên môn mà còn phải phát triển rộng rãi đến mọi gia đình.

Do đó các tín đồ PGHH không bị bắt buộc phải cạo đầu vào chùa, lia bỏ mọi việc ngoài thế gian, mà họ vẫn ở tại gia đình, sống như mọi người công dân khác với nếp sống bình dị trong nông nghiệp, đồng thời tu hành theo giáo lý của Đức Thích Ca.

Tôn chỉ tu hành của Phật Giáo Hòa Hảo là Học Phật Tu Nhân, tức là noi theo giáo lý chơn truyền của Đức Phật mà tu sửa con người, để vừa làm tròn bổn phận trong cõi đời đang sống, vừa dọn thân tâm cho trong sáng để được siêu thăng vào cõi Tịnh Độ Cực Lạc, giải thoát khỏi vòng luân hồi.

Đề thi hành tôn chỉ Học Phật Tu Nhân, người tín đồ PGHH phải tích cực thực hiện Tứ Ân, tức 4 điều ân lớn, là:

1- Ân Tổ Tiên Cha Mẹ

2- Ân Đất Nước

3- Ân Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng)

4- Ân Đồng Bào Nhơn Loại (Xin xem sách về Giáo Lý PGHH) Cũng trong đường lối đó, người tín đồ PGHH đã tỏ ra tích cực tu hành đồng thời cũng tích cực hy sinh vì đất nước, khi quốc gia hữu sự.

- **ĐẶC TÍNH THỨ BA** là sự canh tân phương pháp hành đạo nhằm loại trừ mọi hình thức rườm rà mê tín dị đoan. Đặc tính canh tân này có mục đích loại bỏ âm thanh sắc tướng để phát dương phần tinh túy của đạo Phật, đúng theo chánh pháp vô vi của Đức Phật.

Đạo Phật Giáo Hòa Hảo chủ trương canh tân như sau:

- Không cất chùa đúc tượng thêm ngoài những ngôi chùa đã sẵn có. Ai giàu lòng từ thiện thì nên phát tâm bố thí, cứu trợ kẻ nghèo khổ, hơn là cất chùa lớn, đúc tượng cao.

- Không chấp nhận thầy cúng, thầy lễ, thầy bói, thầy phù thủy, cũng không dâng cúng chè xôi thực phẩm cho Phật, vì Phật không dùng những của hối lộ đó.

- Không dùng cờ phướn, lầu kho, đốt giấy tiền vàng bạc, phí tổn vô ích....

- Không khóc lóc hay làm linh đình lúc tang ma, mà chỉ im lặng cầu nguyện cho linh hồn người chết được siêu thoát.

- Không ép hôn, thách tiền cưới hay tiệc rượu linh đình, vì sẽ mang nợ, gây hại về sau.

Tóm lại, giáo pháp vô vi Phật Giáo Hòa Hảo nhằm canh tân phương pháp hành đạo để trở về với giáo lý chơn truyền của Đức Phật, là tu hành tại Tâm, chẳng phải ở hình thức lễ nghi bề ngoài.

5. SỰ THỜ PHƯỢNG CỦA PHẬT GIÁO HÒA HẢO

Trong chủ trương canh tân nói trên, sự thờ phượng trong nhà các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo thật là giản dị.

Trên bàn thờ, không có tượng Phật, không có chuông mõ. Chỉ có một tấm Trần bằng vải màu dà, tượng trưng cho sự hòa hợp Nhơn loại, và cho màu sắc nhà thiên. Đó là bàn thờ Chư Phật. Dưới bàn thờ Phật là bàn thờ Cửu Huyền Thất Tổ, ông bà cha mẹ đã khuất. Trước nhà có một bàn thờ lộ thiên (gọi là bàn Thông

Thiên) để người tín đồ cảm thông với Trời Đất, bốn phương trời, mười phương Phật. Chỉ dùng nước lạnh, bông hoa, và nhang để cúng Phật. Nước lạnh tiêu biểu cho sự trong sạch, bông hoa tiêu biểu cho sự tinh khiết, còn nhang dùng dâng bán mùi uế trước.

Mỗi ngày người tín đồ PGHH làm lễ cúng Phật, ít nhất hai lần, buổi sáng và buổi tối. Trong các ngày rằm, mồng một, ngày vía Chư Phật, họ đến chùa hay hội quán hành lễ, và nghe kinh giảng hay nghe thuyết pháp.

Lúc đánh lễ họ không dùng mõ chuông, mà chỉ lâm râm tâm niệm. Khi nào mắc công việc thì đến giờ hành lễ họ quay mặt về hướng Tây mà cúng Phật, và khuyến khích nhau ngồi đầu, ở đâu cũng tụng niệm trong tâm.

Ngoài ra trong các Xã, Ấp có những độc giảng đường trang bị máy phóng thanh, để mỗi ngày trong những giờ nhất định, có những giảng viên đến đọc kinh giảng hay thuyết pháp cho người chung quanh cùng nghe.

Độc Giảng Đường Phật Giáo Hòa Hảo là những ngôi chùa thu hẹp chỉ để truyền đạo, chứ không phải để cư trú, nên nhỏ hơn chùa, bởi bản chất Phật Giáo Hòa Hảo là cư sĩ tại gia.

Hiện nay (trước 1975) chỗ nào có nhiều tín đồ PGHH đều có Độc Giảng Đường, với nét kiến trúc đặc biệt của Phật Giáo Hòa Hảo. Theo kiểm kê năm 1965, Phật Giáo Hòa Hảo có 390 Độc Giảng Đường. (Sau 1975, trên 300 độc giảng đường đã bị nhà cầm quyền Việt Nam đập bỏ)

Vài Nét Về Đức Huỳnh Giáo Chủ

Người sáng lập Đạo Phật Giáo Hòa Hảo là Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ. sanh ngày 25 tháng 11 năm Kỷ Mùi (1919) tại làng Hòa Hảo, tỉnh Châu Đốc, một tỉnh xa xôi giáp biên thùy Việt Miền Nam Việt.

Ngài là trưởng nam của Đức Ông Huỳnh Công Bộ và Đức Bà Lê Thị Nhậm; một gia đình trung lưu, nhiều phúc hậu và nhiều uy tín với nhân dân địa phương.

Thuở nhỏ, vừa học đến hết bậc tiểu học thì đau ốm liên miên, nên Ngài phải rời nhà trường về dưỡng bệnh. Từ 15 đến 18 tuổi, Ngài không lúc nào dứt được cơn đau và không một lương y nào trị được.

Năm 1939, sau khi hướng dẫn thân phụ đi viếng các am động miền Thất sơn và Tà lơn – những núi non được nổi tiếng linh thiêng hùng vĩ – Ngài tỏ ra đại ngộ. Ngày 18 - 5 Kỷ Mão,(1939) Ngài chính thức mở Đạo. Bắt đầu là công việc chữa bệnh. Ngài chữa lành được các chứng hiểm nghèo với phương pháp thật giản đơn là chỉ dùng lá cây, nước lã, giấy vàng, khiến cho các Bác sĩ Tây y, các dược sư Đông y lẫn các danh gia phù thủy đều phải kinh dị.

Song song với việc chữa bệnh, Ngài thuyết pháp thao thao bất tuyệt. Nhiều thi sĩ văn gia hoặc luật gia nghe tiếng, đến chất vấn, đều phải nhận Ngài là một bậc siêu phàm.

Cũng từ năm 1939, Ngài sáng tác thật nhiều kệ giảng, nội dung tiên tri chiến cuộc sẽ tràn lan, nhân loại sẽ điêu linh và kêu gọi mọi người nên bỏ dữ về lành, thực hành tứ ân, trau dồi thiện tính để trở thành thiện nhân trong xã hội và tiến đến sự nhập diệu cõi đạo.

Nhìn qua công đức giảng dân cứu chúng, người ta thấy Ngài chữa được hằng vạn chứng hiểm nghèo, thuyết pháp hằng ngàn lần trước đại đa thánh chúng và sáng tác sáu quyển Kệ Giảng cùng với hằng trăm bài thi ca, văn có giá trị siêu việt.

Văn chương của Ngài cực kỳ bình dân nhưng rất hàm súc hấp dẫn. Ngài viết không cần giấy nháp.

Giáo Pháp của Đức Giáo Chủ tuy cao siêu nhưng không kém phần thực tế, có thể áp dụng cho bất cứ nơi nào trên thế gian. Ngài là một nhà đại cách mạng tôn giáo. Vì trước khi Ngài ra đời, Đạo Phật Việt Nam bị đình đốn sai lạc, và Đạo Phật Thế giới chưa nói tới việc canh tân. Ngài đã cắt bỏ tất cả những nghi lễ phiền toái mà nguyên căn không phải của Đức Thích Ca chủ trương, đồng thời còn canh tân nhiều điểm trong phương pháp thực hành đạo Phật mà trước kia không hề có.

Nhờ Giáo Pháp thích thời đó nên chỉ trong một thời gian ngắn, Ngài thu phục được hai triệu tín đồ tại miền Nam Việt Nam và ảnh hưởng mỗi lúc càng lan rộng thêm ra.

Vì Ngài được thiên hạ quá hoan nghinh nên nhà đương cuộc bắt đầu để ý đến sự bành trướng lạ thường của phong trào tôn giáo Phật Giáo Hòa Hảo, nên một biện pháp chánh trị đã được đem ra thi hành và Ngài phải bị lưu trú tại làng Nhơn Nghĩa (Cần Thơ). Ở đây, Ngài lại được người ta tôn sùng hơn trước nữa, làm cho nhà cầm quyền phải đem Ngài an trí tại nhà thương Chợ Quán. Sau đó, Ngài lại bị dời về Bạc Liêu đến năm 1942.

Khi người Nhật nhúng tay vào thời cuộc Đông dương trong hồi thế giới chiến tranh kỳ nhì, họ cưỡng bách đem Ngài về Saigon thì Ngài buộc lòng tá túc tại Hiền binh Nhật để chờ đợi thời cơ thuận tiện ra gánh vác việc nước nhà. Khi đó Ngài có làm câu đối để diễn tả hoàn cảnh của mình :

«Trương Tiên qui Hớn phi thần Hớn
Quan Đế cư Tào bắt đê Tào»

Sở dĩ người Nhật muốn thi ân với Ngài là vì họ muốn gây cảm tình với khối tín đồ khổng lồ của Ngài để sau này có thể lợi dụng. Nhưng đã là một người sáng suốt thì Ngài đâu có để cho bọn Nhật lôi cuốn trong việc chuẩn bị của họ chống Đồng minh.

Sau cuộc đảo chánh mừng 9 tháng 3 dương lịch 1945, Ngài giữ một thái độ hết sức dè dặt vì Ngài biết chắc chắn rằng người Nhật thế nào cũng thất trận. Lúc đó, Ngài nói một lời tiên tri rất bình dị « Nhật bốn ăn không hết con gà ». Mà thiệt vậy ! Vì năm Dậu (con gà) mà cũng là năm 1945 chưa hết, thì số phận nước Nhật đã được định đoạt.

Năm 1945, « Vì lòng từ ái chứa chan, thương bá tánh đến hồi tai họa », nên Ngài đứng ra bảo vệ quốc gia và cứu nguy dân chúng. Ngài từng thành lập Phật Giáo Liên Hiệp Hội để đoàn kết đạo Phật, và Việt Nam Độc Lập Vận Động Hội để vận động cuộc độc lập nước nhà.

Sau khi Nhật Hoàng đầu hàng Đồng minh không điều kiện, nước Việt Nam phải sống một thời kỳ bất ổn, Đồng bào Việt Nam đương lo sợ cảnh dịch chủ tái nổ, Đức Huỳnh giáo Chủ liên hiệp với các lãnh tụ đảng phái và tôn giáo để thành lập Mặt trận Quốc gia Thống Nhất hầu lên tiếng với ngoại bang. Mặt trận này lại sáp nhập vào mặt trận Việt minh mà chính Đức Huỳnh Giáo Chủ là vị đại diện đầu tiên ở Nam Việt.

Sau sự thất sách của Hồ chí Minh với Hiệp ước mừng 6 tháng ba năm 1946, tạo cơ hội thuận tiện cho thực dân trở lại, Đức Huỳnh Giáo Chủ liên kết với các lãnh tụ quốc gia để thành lập Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp.

Mặt trận này được quần chúng nhiệt liệt hoan nghinh nên lại bị Việt minh giữ ngón độc tài giải tán. Họ liền thành lập Liên Hiệp quốc dân Việt Nam Hội để che đậy màu sắc đỏ của đệ tam quốc tế và để làm cho quần chúng quên cái dĩ vãng đẫm máu của các tướng Cộng sản hồi cuối năm 1945.

Năm 1946, vì muốn gây cuộc đoàn kết giữa các tầng lớp đồng bào, Ngài ưng thuận tham gia ủy ban hành chánh với trách vụ ủy viên đặc biệt.

Ngài liên kết các chiến sĩ quốc gia với khối tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo để thành lập Việt Nam Dân Chủ Xã Hội Đảng (21- 9- 46), với chủ trương công bằng xã hội và dân chủ hóa nước Việt Nam. Ngài chẳng những là một nhà cách mạng tôn giáo anh minh mà còn là một nhà lãnh tụ chánh trị đa tài. Đọc Tuyên ngôn, Chương trình của Đảng Dân Xã do Ngài đưa ra, dù cho đối phương hay những người khó tánh, đều phải công nhận Ngài có một bộ óc cải tiến vượt bậc và nhận định sáng suốt phi thường.

Đồng thời, Ngài cũng gọi người ra hải ngoại, đoàn kết với các nhà cách mạng quốc gia lưu vong để thành Mặt Trận Thống Nhất Toàn quốc. Giải pháp quốc gia cũng do công trình của Ngài và các nhà cách mạng xuất dương mà thực hiện đến ngày nay.

Bởi đường lối của Ngài trái ngược với chủ trương Cộng sản và bởi Giáo thuyết của Ngài có thể gây đổ vỡ cho chủ nghĩa vô thần, Cộng sản đã tìm mọi cách làm hại Ngài, nhưng họ đều không làm gì Ngài được.

Đầu năm 1947, các tín đồ Phật giáo Hòa Hảo ở miền Tây chống lại chủ trương độc đoán của các Ủy ban Việt minh vì họ áp dụng chính sách độc tài trong sự tổ chức và cai trị quần chúng. Muốn tránh cuộc cốt nhục tương tàn, Đức Huỳnh Giáo Chủ về miền Tây Nam Việt với hảo ý trấn tĩnh lòng phẫn nộ của tín đồ P. G. H. H. và để giảng hòa hầu đoàn kết chống thực dân cho hiệu lực. Nhưng ngày 16 – 4 - 47, Ủy ban Hành chánh Việt minh âm mưu bắt Ngài tại Đốc Vàng (vùng Đồng Tháp).

Từ đó không ai rõ tin tức chi về Đức Huỳnh Giáo Chủ, nhưng toàn thể tín đồ của Ngài không ai tin rằng Việt cộng có thể làm hại Ngài được. Và muôn người như một, đang mong đợi một ngày về trong sự mạng vinh quang nhất của Ngài.

Quyển sách Cách **Tu Hiền*** sau đây là một trong nhiều tác phẩm của Ngài, đã được tái bản trên 300 lần với ấn lượng trên 800.000 quyển bằng tiếng Việt Nam. Nó ngắn gọn nhưng đủ, rõ những điều cần thiết trong nghi thức tu hành theo đạo Phật Giáo Hòa Hảo.

Thánh địa Hòa Hảo, ngày 1. 1. 1966.

Ban Phổ Thông Giáo Lý Trung Ương Giáo Hội P. G. H. H. (nhiệm kỳ I, 1964 – 1966)

Kính đề

Sám Giảng Thi Văn Toàn Bộ - Khải Ngôn (6/26/2002)

Từ tháng 5 năm Kỷ-Mão (1939), sau khi mở Đạo, Đức Giáo-Chủ đứng ra chữa bệnh đời. Tuy Ngài không có đề tâm nghiên-cứu Đông-y cũng như chẳng hề học Lỗ-ban phù-thủy, nhưng bằng phương-pháp chữa trị thật giản-đơn như giấy vàng, nước lã, lá xoài, lá ổi, lá bưởi, lá mít, bông trang, mà trị được hằng vạn chứng hiểm-nghèo như bệnh tà, bệnh suyễn, bệnh phong, bệnh dịch, bệnh dư ruột v.v... cho nên quần-chúng ngưỡng-mộ, theo về tấp nập. Người ta do đó mà bắt đầu tin tưởng Phật Trời, nghe Pháp và quy-y.

Đồng thời với công việc chữa bệnh, Đức Giáo-Chủ đứng ra thuyết-pháp để truyền giáo. Lời giảng của Ngài thao thao bất tuyệt suốt cả ngày đêm. Nhiều thi-sĩ, văn-gia hoặc luật-sư bác-sĩ đến chất-vấn, bắt bẻ, đều nhận Ngài là bậc đại-giác đại-ngộ, không thể suy-bì. Ai đã từng dõi gót theo Ngài trong cuộc khuyến-nông năm 1945, trong vòng 2 tháng với không biết bao nhiêu lý-luận khác nhau, đều phải công nhận Ngài là bậc « mồm sông bút sấm ».

Những cuộc thuyết-pháp nói chung, nếu cộng với 107 lần chu-du khuyến-nông vừa kể, chúng ta có thể nói Ngài đã trải qua một ngàn lần khuyến-thuyết quan-trọng với hàng ngàn đề-tài khác biệt.

Nhờ những cuộc thuyết-pháp như trên, người mộ đạo quy-căn, ngày càng đông thêm không xiết nói.

Nhưng công-đức vĩ-đại nhất của Đức Giáo-Chủ trong việc truyền-giáo là việc viết ra Kệ Giảng. Nhờ những Kệ Giảng đó mới được phổ-truyền một cách sâu rộng chủ-trương canh-tân Phật-Giáo của Ngài, và nhờ đó mà hàng triệu người ngộ đạo đã quay về với chân-tính, tự tâm.

Nếu kiểm điểm lại con số Kệ Giảng đã ấn-loát và phát-hành từ năm 1939 đến nay, ta sẽ phải ngạc-nhiên chẳng ít, sách đã được tái bản trên 300 lần và mỗi quyển được in ra tối-thiểu cũng trên 800.000 quyển.

Nội-dung các tác-phẩm đó chứa đựng những gì? Cách lập-giáo ra sao? Và văn-thể văn-từ như thế nào? Đó là điều mà trong lần tái-bản này, chúng tôi xin trình bày đại-cương để chư quý vị độc-giả đạo tâm bốn phương đồng lãm.

o O o

Những tác-phẩm mà Đức Giáo-Chủ viết ra, phần nhiều thuộc về văn vần. Một điều đặc-biệt đáng chú ý là trong khi cầm bút, dù tản-văn hay vận-văn, Ngài luôn luôn viết thẳng một mạch không vấp không ngưng, không dùng giấy nháp và không hề bôi xóa, cắt xén như các văn sĩ thường làm. Người ta cho rằng Ngài viết mau lẹ và dễ-dàng hơn Ông Alcyone Krishnamurti khi viết quyển Aux pieds du Maitre.

Có thể kể theo thứ-tự thời-gian những tác-phẩm trường thiên sau đây của Đức Giáo-Chủ.

1.- SÁM GIẢNG KHUYÊN NGƯỜI ĐỜI TU-NIỆM (tức quyển nhứt, văn lục bát, dài 912 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Ngài viết xong trước đệ nhị thế chiến, tại làng Hòa-Hảo, Sám Giảng này khởi đầu bằng câu:

Hạ-Nguơn nay đã hết đời,

và chấm dứt bởi câu :

Tới đây cũng lần ngừng lại bút nghiên.

Nội-dung, Đức Giáo-Chủ đánh thức quần-chúng bằng cách tiên-tri những cảnh làm-than khốn-khổ mà nhân-loại sẽ phải trải qua trong thời-đại nhiều-nhương. Chẳng hạn, Ngài nói trước các năm từ lúc xảy ra cho đến khi chấm dứt đệ-nhị thế-chiến:

Mèo kêu bá-tánh lao-xao,

Đến chừng Ròng, Rắn máu đào chĩn ghê.

Con Ngựa lại đá con Dê

Khắp trong trần hạ nhiều bề gian lao.

Khỉ kia cũng bị xáo-xào,

Canh khuya Gà gáy máu đào mới ngưng.

Người ta đã thấy đúng trăm phần trăm từ khởi đầu cuộc chiến-tranh thế-giới lần thứ hai

(Mèo kêu, 1939) cho đến khi hai quả bom nguyên-tử của Đồng-Minh bỏ xuống nước Nhật để chấm dứt chiến cuộc (Gà gáy, 1945), không sai một mảy.

Cuộc giết chóc ghê tởm của chiến-tranh tuy ngưng từ năm Gà, nhưng theo Đức Giáo-Chủ, nó sẽ còn tái diễn tại Việt-Nam, và sẽ lan-diễn khắp nơi:

*Đời cùng còn chẳng mấy năm,
Khắp trong các nước thấy nằm bằng non.
Cha thì chẳng thấy mặt con,
Vợ thì chồng chẳng được còn tại gia!*

Trong tác-phẩm này, Đức Giáo-Chủ cũng tường-thuật việc Ngài hóa-hiện ra đui cùi, buôn bán, khi già, lúc trẻ đạo khắp «lục châu» để thử lòng trăm họ, giác tỉnh mọi người, gọi họ theo về đường ngay, nẻo Đạo.

2. – KỆ DÂN CỦA NGƯỜI KHÙNG (tức quyển nhì, văn thất ngôn trường thiên, dài 846 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Ngài viết tại làng Hòa-Hảo ngày 12 tháng 9 năm Kỷ-Mão Kệ này khởi đầu bằng câu:

*Ngồi Khùng trí đoái nhìn cuộc thế,
và chấm dứt bởi câu:*

Ta ra sức dất diu bá tánh.

Cũng như trong quyển thứ nhứt, ở đây Đức Giáo-Chủ vừa tiên-tri tai nạn sắp xảy đến cho nhân dân, vừa khuyên mọi người làm lành lánh dữ:

Chẳng hạn như:

*Đến chùng đó bốn phương có giặc,
Khắp hoàn-cầu thiết-thiết tha-tha.
Vậy sớm mau kiếm chữ ma-ha,
Thì Phật cứu khỏi nơi khói lửa.
Trung với hiếu ta nên trau sửa,
Hiền với lương bổn đạo rèn lòng.
Thường nguyện cầu siêu-độ Tổ-tông,
Vớ bá tánh vạn dân vô sự.*

Rồi Ngài không ngần-ngại, đánh đổ những mê-tín dị-đoan, những âm-thanh sắc tướng, những sự dối tu, lòn đời:

*Theo Thần-Tú tạo nhiều chuông mõ,
Mà xưa nay có mấy ai thành !*

...

*Làm hiền-lành hơn tụng hơ-hà,
Hãy tưởng Phật hay hơn ó ré.*

...

*Những giấy tiền vàng bạc cũng thôi,
Chớ có đốt tốn tiền vô lý.*

...

*Tu vô-vi chẳng cúng chè xôi,
Phật chẳng muốn chúng sanh lo-lót.*

3. – SÁM GIẢNG (tức quyển ba, văn lục bát, dài 612 câu, xuất bản lần đầu năm 1939).

Ngài cũng viết tại làng Hòa-Hảo năm Kỷ-mão, khởi đầu bằng câu:

*Ngồi trên đỉnh núi liên-đài,
và chấm dứt bởi câu:
Chúc cho bá-tánh muôn sầu tiêu tan.*

Trong quyển này, Đức Giáo-Chủ dạy tu nhân-đạo, Ngài viết:

*Tu cầu cha mẹ thành-thời,
Quốc-vương thủy thổ chiều moi phần hồi.
Tu đền nợ thế cho rồi,
Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.*

Đối với hạng thanh-niên nam nữ, thường dễ bị văn-minh vật-chất hoặc dục-vọng lôi cuốn đến bờ trụy lạc, Ngài kêu gọi:

*Nghiêm-đường chịu lệnh cho an,
Loạn luân cang kỷ hồ mang tiếng đời.*

Hoặc là:

*Nghe lời cha mẹ cân-phân,
Tam tòng vẹn giữ lập thân buổi này.*

Và Ngài cũng cực-lực đả-phá những hủ-tục, bài xích những thói xa-hoa, đàng-điểm. Chẳng hạn:

*Chết rồi cũng bớt cóc keng,
Trống đờn lễ nhạc tế xen ích gì !
Đàn nhu thầy lễ cũng kỳ,
Mắc phải chuyện gì phủ-phục bình hưng?*

Hay là:

*Văn-minh sửa mặt sửa mày ,
Áo quần láng mượt ngày rày ăn chơi.
Dọn xem hình vóc lả-lơi,
Ra đường ăn nói những lời nguyệt-hoa.*

Nếu chịu vẹn gìn theo lời chỉ giáo trong quyển SÁM GIẢNG này, thì nhân đạo của ta ắt có thể coi là hoàn bị lắm.

4. – GIÁC MÊ TÂM KỆ (tức quyển tư, văn thất ngôn trường thiên, dài 846 câu, xuất-bản lần đầu năm 1939).

Đức Giáo-Chủ viết tại Hòa-Hào ngày 20 tháng 10 năm Kỷ-mão. Kệ này khởi đầu bằng câu:

*Khai ngọn đuốc từ-bi chí thiện,
và chấm dứt bởi câu:*

Mong bá-tánh vạn dân giải-thoát.

Nơi đây, Đức Giáo-Chủ có nói trước những tai-họa hãi-hùng mà chúng sanh sẽ phải trải qua trong thời Hạ-nguơn mặt kiếp:

*Khổ với thảm ngày nay có mấy,
Sợ ngày sau dòm thấy bay hồn.
Trừ tà gian còn thiện chỉ tồn,
Cảnh sông máu núi xương tha thiết.*

Ngài lại còn giảng rõ thể nào là tứ đồ tường, tứ khổ, ngũ uẩn, lục căn, lục trần, tứ diệu đế, bát chánh và bát nhẫn.

Còn gì đáng coi là nhẫn-nhục, hỷ-xả hơn những câu dưới đây:

*Ai chười mắng thì ta giả điếc,
Đợi cho người hết giận ta khuyên.
Chữ nhẫn hòa ta để đầu tiên,
Thì đâu có mang câu thù oán.*

5. – KHUYẾN-THIỆN (tức cuốn thứ năm, đoạn đầu và đoạn chót viết bằng lối văn lục bát, đoạn giữa viết bằng lối thất ngôn,, gồm 756 câu, xuất bản lần đầu năm 1942).

Ngài viết tại nhà thương Chợ Quán năm 1941. Tác-phẩm này khởi đầu bằng câu:

*Băng tâm ngẫu hứng thừa nhân,
và chấm dứt bởi câu:*

Rán trau đức-hạnh ngày sau sẽ tường.

Nội-dung, Đức Giáo-Chủ nhắc tiểu-sử Đức Thích-Ca và luận giảng về tám sự khổ trong cõi Ta-bà, về pháp môn tịnh độ, về cách diệt ngũ-trược, trừ thập ác và hành thập thiện.

6. – CÁCH TU HIỀN VÀ SỰ ĂN Ở CỦA MỘT NGƯỜI BỒN ĐẠO.

Quyển này viết bằng văn xuôi, hồi tháng 5 dl 1945 tại Saigon và xuất-bản lần đầu cũng trong năm ấy. Tuy văn xuôi, quyển này có một đặc-sắc là giản-dị và lưu loát, âm-hưởng du-dương, nhịp-nhàng,

Nơi đây, Đức Giáo-Chủ minh-giải về tứ ân, tam-nghiệp thập-ác và bát-chánh. Ngài còn giảng dạy về cách thờ-phượng, cúng lạy, nghi-thức cử-hành tang-lễ, giá-thú, cách đối xử với tôn-giáo bạn, với các tăng-sư, v.v.....

Ngoài sáu quyển vừa kể, Đức Giáo-Chủ còn viết ra rất nhiều bài thi, bài văn mà trước đây 13 năm, một nhóm tín-đồ tại Thánh-Địa Hòa-Hảo đã gom góp để in thành một quyển, nhan đề SỰ TẬP THI VĂN GIÁO-LÝ CỦA ĐỨC HUỲNH GIÁO-CHỦ.

Sách dày trên 300 trang, nội dung gồm có gần đủ loại thơ ca: thất ngôn bát cú, tứ tuyệt, ngũ ngôn, lục bát, thất ngôn trường thiên, song thất lục bát, tứ ngôn và một số bài biến thể. Trong đây, Đức Giáo-Chủ hoặc viết để dạy riêng một người hay đáp họa với một người khác, hoặc viết để cảnh-giác, hoặc viết để khuyến tu... tựu trung, nhứt nhứt đều có bao-hàm một giáo-nghĩa thâm-huyền mà cho dầu không phải người trong cuộc, đọc đến cũng đều có lợi-ích cho sự tu-hành.

Riêng phần văn-từ, nói chung toàn bộ, Ngài chủ-trương

*Quyết dạy trần nên nói lời thường,
Cho sanh-chúng đời nay dễ biết.*

Hoặc là:

*Dạy bốn-đạo lấy câu trung đẳng,
Chẳng nói cao vì sắp rớt đời.*

Cho nên, với những lời văn vô cùng giản-dị nhưng ngọt-ngào và óng-chuốt. Đức Giáo-Chủ dụng tâm làm cho hạng bình-dân dễ thuộc dễ theo, để sớm đưa họ tiến tới con đường lành mà Ngài đã vạch ra và đã nhất tâm phát-nguyện:

*Quyết đưa chúng về nơi non Khứu,
Tạo Lu-bồng ngộ hội Quần Tiên.*

Hoặc:

*Nếu chúng-sanh còn chốn mê-tân,
Thì ta chẳng an vui cực-lạc.*

Hay là:

*Biết làm sao gieo đạo khắp đại-đồng,
Đưa nhân-loại đi vào vòng hạnh-phúc.*

Như đã nói ở đoạn đầu, những Kệ Giảng nêu trên, mỗi quyển được in ra từ trước đến nay, ít nhất cũng trên 800.000 quyển.

Tuy nhiên, sách càng được in ra nhiều chừng nào, thì cái bịnh tam-sao thất bản càng trầm-trọng thêm chừng nấy. Bởi một lẽ rất giản-dị là suốt trong thời thực-dân thống-trị cho đến hồi độc-tài phong-kiến, vì thời- cuộc, đoàn-thể Phật-Giáo Hòa-Hảo không mấy lúc được yên-lành. Cho nên công việc phát-hành Kệ Giảng phần nhiều do các đồng-đạo có nhiệt-tâm đứng ra ấn-loát chớ ít được dịp do một cơ-quan nào trong Giáo-Hội theo dõi việc in. Cái bịnh tam-sao thất bản vốn đã sẵn có, tự thuở còn được truyền-bá bằng cách chép tay, nay lại càng sai thêm với biết bao nhiêu lần in thiếu người có khả-năng chuyên-môn xem sóc..

Chính vì những sự sai lầm đáng tiếc đó mà ngay từ khi Ban Trị-Sự Trung-Ương Giáo-Hội Phật-Giáo Hòa-Hảo Nhiệm-kỳ đầu tiên (18-11-1964) được tái-lập sau một thời-gian dài gián-đoạn, Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương chúng tôi đã ghi ngay vào hàng đầu của Chương-trình hoạt-động, công-tác đĩnh-chánh Kệ Giảng hệ-trọng này, và bắt tay vào việc ngay sau phiên đại-hội toàn quốc về Phổ-Thông Giáo-Lý ngày 27 tháng 12 năm 1964.

Ngày 8-3-1965, một Chỉ-thị số 233/TU-TV/19-GL gửi các cấp Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh, Quận và Xã để tham-khảo ý-kiến toàn-thể Trị-Sự-viên và tất cả đồng-đạo nào có để tâm nghiên-cứu về những câu, những chữ cần bổ khuyết hay đĩnh-chánh trong Kệ Giảng.

Theo thời-gian-biểu của chúng tôi, thì công-việc tham-khảo các cấp này kéo dài một tháng rưỡi kể từ 15-3-1965, đến 30-4-1965, và sau đó, chúng tôi mới cẩn-thận làm bản đúc-kết lại các đề-nghị để trình ra hội nghị, hầu tham-khảo một lần tối-hậu để lấy biểu-quyết những chỗ đáng sửa đổi.

Ngày 17-5-1965, một hội-nghị được khai-mạc tại Văn-phòng Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương (Thánh-Địa Hòa-Hảo) trong sự chứng minh của Ông Út Huỳnh-Văn-Quốc, bào-đệ của Cố Đức Ông và dưới quyền Chủ-tọa của Ông Lương-Trọng-Tường, Hội-Trưởng Ban-Trị-Sự Trung-Ương.

Ông Nguyễn-Văn-Hầu, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương giữ nhiệm-vụ Thuyết-trình-viên và Ông Trần-Minh-Quang, Thư-Ký Ban Phổ-thông Giáo-Lý Trung-Ương làm Thư-Ký phiên hội.

Thành phần tham-dự hội-nghị gồm có:

- Ô. Dật-Sĩ Trần-Văn-Nhật, Cố-Vấn Ban Trị-Sự Trung-Ương kiêm Trưởng-Ban Nghiên-Cứu và Biên-Tập trong Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Trí-Viễn Lê-Hòa-Nhật, Cố Vấn Ban Trị-Sự Trung-Ương kiêm Cố-Vấn Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Huỳnh-Công-Kỷ, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh An-giang.

- Phạm-Văn-Tốt, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Kiến-Phong.
- Bùi-Văn-Triệu, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Châu-Đốc.
- Lê-Thanh-Quang, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Tỉnh Phong-Dinh.
- Lâm-Văn-Trung, Kiểm-Soát B.T.S. Tỉnh Châu-Đốc.
- Nguyễn-Chi-Diệp, Cố-Vấn B.T.S. Thánh-Địa Hòa-Hảo.
- Huỳnh-Hữu-Phĩ, Nhân-sĩ kỳ-cựu P.G.H.H.
- Trần-Văn-Mành, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Thánh-Địa Hòa-Hảo, xã HưngNhơn.
- Ngô-Minh-Chí Phó Đặc-Ban Biên-Tập và Xướng-ngôn Đài Phát-Thanh, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Đào-Văn-Đạm, Quản-Lý Nguyệt-san Đuốc Từ-Bi, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Trịnh-Công-Dung, Hội-Trưởng B.T.S. Quận Châu-Phú.
- Lê-Văn-Phú, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Châu-Phú.
- Đặng-Thành-Tụu, trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Chợ-Mới.
- Trường-Thị, Hội-Trưởng B.T.S. Quận Thốt-Nốt.
- Nguyễn –Văn-Nam, Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Quận Châu-Thành (An Giang).
- Phạm-Hữu-Vỹ, Trưởng-Ban Tiếp-Tân tại Tây-An Cổ-Tự (Long-Kiến).
- Nguyễn-Văn-Bửu, Đặc-Viên Aán-Loát Phát-hành, thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.
- Nguyễn-Anh-Kiệt,Đặc-Viên Huấn-Luyện Truyền-Bá thuộc Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương.

Hội-nghị này đã làm việc một cách tận-tụy và say mê, đã đính-chính và bổ-khuyết được nhiều điều quan-trọng mà kết-quả là quyển Sám Giảng Thi-Văn toàn-bộ được in ra hôm nay.

Sách chia làm hai phần, phần đầu gồm sáu quyển với các loại Sám, Kệ, Văn.. . mệnh danh: Phần thứ nhất: Sám Giảng Giáo-Lý và phần sau gồm hàng trăm bài Thi, Ca, Văn, Chú... mệnh danh. Phần thứ hai: Thi –Văn Giáo-Lý. Trong các bài Thi-Văn Sám Kệ kể trên, chúng tôi cố-gắng sắp theo thứ-tự thời-gian để Chư quý độc-giả đạo-tâm tiện bề theo dõi.

Với mục-đích «*đính- chánh những điều tam-sao thất-bổn hoặc nghe lầm nhớ lộn đã làm sai biệt hẳn nguyên-văn về chân ý của Đức Thầy trong Kệ Giảng*» chúng tôi làm việc theo sáu nguyên tắc dưới đây:

- 1) Nỗ-lực sưu-tầm trong các đồng-đạo kỳ-cựu nào còn giữ được bản chánh do chính Đức Giáo-Chủ viết ra để dò từng chữ mà sửa lại những chỗ in sai.
- 2) Những tác-phẩm nào kiếm không ra được bản chánh, thì hội-nghị mới xét tới các đề-nghị của các cấp mỗi khi gặp những chữ cần đính-chính.
- 3) Các đề-nghị đính-chính của các cấp đồng-đạo cũng như của hội-nghị là phải trưng ra bằng cứ cụ-thể là «*Tại sao phải sửa lại như thế*»:
 - do chính tai họ nghe Đức-Thầy đính-chính trước đây cùng với sự hiện diện của ai, hồi nào?
 - do họ là những người đã ngồi bên cạnh Đức Thầy, sao chép những bổn Kệ Giảng để phát ra cho dân-chúng trong buổi đầu mở đạo ?...
 - do những bản in cũ từ buổi đầu và xét ra hữu lý ?...
- 4) Hội-nghị chỉ nhắm vào công-tác đính-chính chứ không có thẩm-quyền thêm bớt nếu không có bằng cứ xác đáng.

5) Ghi vào biên-bản hẩn-hỏi những chữ, những câu và những lý do nào cần bổ-khuyết hay sửa đổi để lưu-trữ tại Văn-Phòng Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương hầu làm tài liệu tham-khảo cho những ai còn thắc-mắc.

6) Tất cả những-đề nghị sửa đổi, người đề-nghị quả-quyết nhận trách-nhiệm trước Đức Thầy, trước các Đấng Thiêng-liêng là họ đã nói đúng, nghe đúng và nghĩ đúng.

Một vài thí-dụ sau đây để được sáng-tỏ thêm việc làm của hội-nghị:

- Những bài dò theo bản chánh do Đức Thầy viết ra, hội-nghị đồng ý phải cho ghi ở cuối bài là bản đó do ai còn giữ được.

- Trong bài Sứ-mạng của Đức Thầy, lâu nay đã in « tuy có phải chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại.. » và « kể xa-xuôi từ nan chẳng tới.. » ; nay Ông Dật-sĩ xác-nhận rằng chính Ông đã thấy tận mắt trong một bản chánh hồi Ông còn ở Bạc-Liêu là « tùy cơ-pháp chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại.. » và « kể xa-xuôi từ-văn chẳng tới..... » chớ không phải như các bản đã lưu-hành trước đây.

Xét ra, Đức Thầy viết bài này tại Bạc-Liêu năm 1942 và Ông Dật-Sĩ trong thời-gian ấy cũng đang làm việc tại đó, vả lại ý nghĩa rất hợp nên hội-nghị đồng ý sửa đổi.

- Ngoài nhiều bản chánh mà Ông Nguyễn-Chi-Diệp còn giữ được để hội-nghị dùng làm tài-liệu khảo-sát, Ông Diệp còn cái chánh sự in sai trong Sám Giảng quyển ba mà Ông đã nghe biết rõ-ràng từ khi Đức Thầy còn ở tại Thánh-Địa:

«Tu hành tâm đạo một mai cứu đời»

chớ không phải:

«Tu hành tâm đạo một mai cứu đời».

- Ông Huỳnh-Hữu-Phỉ trình-bày trước hội-nghị rằng trong bài Sa-Đéc chính Đức Thầy có sửa một bản do Ông dâng lên. Câu đầu bài đó chép:

«Nhìn cuộc thế bốn-bề sóng dậy»,

Đức Thầy đã sửa lại :

«Nhìn cuộc thế bốn-bề sóng dậy»

và cũng theo Ông Phỉ câu đầu trong bài *«Nàng thơ cảm tú»* có hai chữ thanh-bạch và thanh-lặng đã gây bất nhất giữa anh em tín đồ, kẻ đọc thanh lặng, người cãi là thanh-bạch, cho nên lúc Đức Thầy ở tại Saigon, đường Lefèbvre, ông có trình lên thỉnh ý. Và Đức Thầy xác-nhận:

«Trời thanh-lặng gió đưa hiu hắt».

- Ông Lâm-Văn-Trung quả-quyết: Trong bài *«Viếng làng Mỹ-Hội-Đông»*, Đức Thầy không hề viết bốn câu đầu, từ *«Buông màn thả lá..»* đến *«...máy huyền sâu»*, nên đề-nghị bỏ. Hội-nghị xét Ông Trung là người Mỹ-Hội-Đông, mà Ông cũng được gần gũi bên Thầy trong buổi viết bài này, nên đồng ý xóa mấy câu đó trong bản in trước.

Phải có những chứng-tích dẫn giải rành mạch và trách-nhiệm phân-minh như thế, hội-nghị mới đồng-thanh chấp-nhận và đính-chánh lại những chỗ sai lầm.

o O o

Tuy đã thận-trọng như trên, nhưng sau khi hội-nghị bế-mạc, công việc này còn phải kéo

dài thêm một thời-gian làm việc nữa. Đó là công việc dò kỹ từng chữ, từng câu để sửa lại từng dấu, từng nét. Quý Ông Cố-Vấn Dật-Sĩ, Thơ-Ký Trần-Minh-Quang, Quản-Lý Đào-Văn-Đạm và Phát-Hành-viên Nguyễn-Văn-Bửu đều đã thiết-thực góp tay với Ông Trưởng-Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương Nguyễn-Văn-Hầu trong công việc này. Sau hết, một vấn-đề không kém quan-trọng là việc sửa ấn-cảo. Nếu ấn cảo mà không được người có khả-năng xem sóc thì bao nhiêu công-trình từ trước sẽ không được bảo-đảm nếu không nói là hỏng đi. Ông Nguyễn Long Thành Nam, Đệ-Nhất Phó Thơ-Ký Ban Trị-Sự Trung-Ương đã phát-tâm hoan-hỷ đảm-nhận công-tác này.

Hôm nay, quyển Sấm Giảng Thị-Văn toàn-bộ của Đức Huỳnh Giáo-Chủ được đến trong tay Quý-vị độc-giả đạo-tâm, là kết-quả của bao nhiêu công việc vừa trình-bày trên đây với suốt một thời-gian dài trên 10 tháng.

Đã hiểu rằng «*Nhân thân nan đắc, Phật Pháp nan vẫn*» cho nên , làm công việc này chúng tôi không có cao vọng gì hơn là muốn chính-xác-hóa những chỗ in lầm trong Giáo-Pháp của Đức Huỳnh Giáo-Chủ – một Giáo-Pháp nhiệm-mầu và thực-tế – hầu có quảng-bá một cách sâu rộng hơn nữa trong quảng-đại quần-sanh, để những người có cơ-duyên sẽ do đó mà bước lên con đường cùng tu cùng tiến.

Nếu Kinh Pháp-Hoa chép : «*Phật vị nhất đại sự nhân-duyên xuất-hiện ư thế*» (*Phật vì một nhân-duyên lớn mà có mặt trên đời*) thì nơi đây, chúng tôi cũng dám xin nguyện cầu Chư Phật và Đức Thầy gia-hộ cho người người được rộng mở nhân-duyên, xem SẤM KINH này mà phát-tâm thiện-nguyện.

Được như thế, chúng tôi tưởng không có nguồn vui nào hơn.

NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT

Thánh-Địa Hòa-Hảo, ngày rằm tháng bảy Ất-Tỵ (1965)

Ban Phổ-Thông Giáo-Lý Trung-Ương

(nhiệm-kỳ I, 1964-1966)

Cẩn khải

(*Nguồn: hoahao.org*)